

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ AN NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HS-ST

Ngày: 01 - 3 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Văn H

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hồ Xuân D

2. Ông Lê Minh Ch

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đình D – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Võ Minh Th - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2021/TLST-HS ngày 14/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 621/2022/QĐXXST-HS ngày 17/02/2022, đối với các bị cáo:

- Bị cáo thứ nhất: Phạm Thanh T sinh ngày 26/8/1989 tại thị xã A Nh, tỉnh B Đ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ng T, xã Đ K, huyện Ng H, tỉnh K T; hiện trú tại: Khu vực L T, phường Nh Th, thị xã A Nh, tỉnh B Đ; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị S sinh năm 1951; vợ Đinh Hải Th sinh năm 1990 (đã ly hôn); có 01 người con tên Phạm Xuân N sinh năm 2013; tiền sự; tiền án: Không; bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 24/9/2021, tạm giữ đến ngày 28/9/2021 chuyển tạm giam, đến 12/01/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lĩnh”. Bị cáo có mặt.

- Bị cáo thứ hai: Trần Minh D sinh ngày 12/01/1998 tại thị xã A Nh, tỉnh B Đ; nơi cư trú: Khu vực Ch Th, phường Nh H, thị xã A Nh, tỉnh B Đ; nghề nghiệp:

Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh S sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thị G sinh năm 1968; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ ngày 24/9/2021 đến ngày 28/9/2021 chuyển sang tạm giam đến ngày. Bị cáo có mặt.

**\* Người bị hại:**

- Chị Thái Thị Ch sinh năm 1976; nơi cư trú: Số nhà 297 Võ Trứ, Khu vực L T, phường Nh Th, thị xã A Nh, tỉnh B Đ, vắng mặt;

- Anh Nguyễn Công Th sinh năm 1982; trú tại: Khu vực Ph Th, phường Nh Th, thị xã A Nh, tỉnh B Đ, vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Minh Kh sinh năm 1988; nơi cư trú: Số nhà 270/6 Ngô Văn Sở, phường Đ Đ, thị xã A Nh, tỉnh B Đ, vắng mặt;

- Anh Nguyễn Tiến Lập sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà 36 Võ Trứ, Khu vực L T, phường Nh Th, thị xã A Nh, tỉnh B Đ, có mặt;

- Anh Nguyễn Thái B sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn V S, xã Nh H, thị xã A Nh, tỉnh B Đ, vắng mặt;

- Anh Huỳnh Trí C sinh năm 1999; nơi cư trú: Số nhà 34 Trần Phú, phường B Đ, thị xã A Nh, tỉnh B Đ, vắng mặt;

- Anh Trần Minh S sinh năm 1968; trú tại: Khu vực Ch Th, phường Nh H, thị xã A Nh, tỉnh B Đ, có mặt;

- Anh Nguyễn Văn L sinh năm 1991; nơi cư trú: Khu vực Ch Th, phường Nh H, thị xã A Nh, tỉnh B Đ, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 30/4/2021, Trần Minh D điều khiển xe mô tô 77F8-3829 của ông Trần Minh S là cha ruột Dương chở Phạm Thanh T từ nhà ở khu vực Ch Th, phường Nh H, thị xã A Nh, tỉnh B Đ đến nhà bạn ở khu vực L T, phường Nh Th, thị xã A Nh, tỉnh B Đ chơi. Khi đi ngang qua nhà số 297 Võ Trứ, khu vực Lý Tây, phường Nh Th, thị xã A Nh, tỉnh B Đ phát hiện xe mô tô loại Wave RSX màu đỏ-đen, biển kiểm soát 77F1-644.14 của chị Thái Thị Ch đang dựng bên lề đường, dưới gốc cây sanh, gắn sẵn chìa khóa xe, không người trông coi. T rử D chiếm đoạt xe mô tô

trên, D đồng ý. Dương điều khiển xe mô tô chở Toàn đến gần vị trí xe 77F1-644.14 để T xuống xe, D điều khiển xe 77F8-3829 bỏ đi. T đến dắt xe 77F1-644.14 điều khiển về nhà D. T rủ D cầm cổ xe mô tô vừa trộm được lấy tiền tiêu xài. T điều khiển xe 77F1-644.14 chở D đến nhà Nguyễn Minh Kh cầm cổ xe trên 4.000.000 đồng. Sau đó, T, D thuê taxi đến thành phố Q Nh, tỉnh B Đ tiêu xài hết.

Đến khoảng cuối tháng 5/2021 (không xác định ngày), D đến gặp Kh chuộc lại xe 77F1-644.14 với số tiền 4.500.000 đồng để làm phương tiện đi lại. Sợ bị cơ quan chức năng phát hiện, đến chiều cùng ngày, D tháo biển số xe và tem của xe 77F1-644.14 rồi đem cầm cổ cho Kh lấy 4.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Sau đó, Khoa lấy biển số xe 77F1-508.48 gắn vào xe mô tô trên làm phương tiện đi lại. Đến ngày 17/9/2021, D lấy biển số xe 77F1-644.14 cho Nguyễn Văn L. Ngày 24/9/2021, T, D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A Nh bắt khẩn cấp.

Ngoài ra, Phạm Thanh T còn khai nhận đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể: Khoảng 05 giờ ngày 19/9/2021, Phạm Thanh T điều khiển xe mô tô loại dream (không rõ biển số) đi từ nhà bạn ở khu vực L T, phường Nh Th, thị xã A Nh dạo tìm tài sản để lấy trộm. Khi đi đến trước nhà anh Nguyễn Công Th ở khu vực Ph Th, phường Nh Th, thị xã A Nh phát hiện phía trước hiên nhà dựng 01 xe mô tô loại Sirius, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 77E1-440.37, trên xe gắn sẵn chìa khóa xe, nảy sinh ý định chiếm đoạt. T điều khiển xe mô tô về nhà bạn rồi đi bộ đến nhà anh Th đột nhập vào nhà dắt lấy xe 77E1-440.37 điều khiển đến chân núi Mồ O thuộc khu vực L T, phường Nh Th tháo vớt biển số xe 77E1-440.37 xuống sông Se, điều khiển xe về nhà T cất giấu. Tối cùng ngày, Toàn tháo 02 dè chắn bùn hai bên xe vớt xuống sông Se. Sau đó, T lấy biển số xe giả 82E1-162.38 (biển số này, T nhờ Nguyễn Thái B ở thôn V S, xã Nh H, thị xã A Nh và Huỳnh Trí C ở 34 Trần Phú, phường B Đ, thị xã A Nh làm giả trước đó với số tiền 200.000 đồng) gắn vào xe mô tô Sirius T đã trộm trước đó làm phương tiện đi lại. Ngày 21/9/2021, T cầm cổ xe mô tô Sirius gắn biển số xe giả 82E1-162.38 cho anh Nguyễn Tiến L 2.500.000 đồng.

Ngày 28/9/2021, ngày 22/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A Nh đã kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe: Wave RSX, màu sơn: đỏ-đen, biển kiểm soát 77F1-644.14, trị giá 13.000.000 đồng; 01 xe mô tô loại Sirius, màu sơn: đỏ-đen, biển kiểm soát 77E1-440.37, trị giá 10.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B Đ ban hành Kết luận giám định số 345, kết luận: Biển số xe 82E1-162.38 là biển số xe giả.

- Về vật chứng vụ án:

Đối với: 01 xe mô tô loại Wave RSX, màu sơn: đỏ-đen, số khung: 3847LY021119, số máy: JA52E0122787; 01 xe mô tô loại Sirius, màu sơn: đỏ-đen,

số khung: 3240HY050147, số máy: E3X9E125995; 01 Biển kiểm soát 77F1-644.14; 01 xe mô tô loại Vision, màu xanh, số khung: 5838LZ429028, số máy: 6E5139479, gắn biển kiểm soát 77F1-632.57 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị trấn trả lại cho chủ sở hữu xong.

Đối với: Biển kiểm soát giả 82E1-162.38; 01 xe mô tô loại Wave, màu xanh-đen, không rõ số khung, số máy: CT100E1200832, gắn biển kiểm soát 77F8-3829, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị trấn A Nh.

Đối với: Biển kiểm soát 77F1-508.48; 01 xe mô tô loại Taurus, màu đen, số khung 16S109Y22002, số máy: 16S1021987, gắn biển kiểm soát 77F1-187.39; 01 xe mô tô loại Dame, màu đen, số khung: 022431, số máy: FMG301022431, gắn biển kiểm soát 81N1-4613 hiện đang tạm giữ tại Công an thị trấn A Nh.

Biển kiểm soát 77E1-440.37 và 02 dè chắn bùn của xe mô tô 77E1-440.37, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị trấn A Nh tiến hành truy tìm, nhưng không có kết quả.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại Thái Thị Ch, Nguyễn Công Th đã nhận lại tài sản, có đơn bãi nại và không có yêu cầu gì thêm. Gia đình bị can Phạm Thanh T đã bồi hoàn số tiền 2.500.000 đồng cho Nguyễn Tiến L. Trần Minh D chưa bồi hoàn 4.000.000 đồng cho Nguyễn Minh Khoa.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT-VKSAN ngày 11/01/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị trấn A Nh đã truy tố các bị cáo Phạm Thanh T, Trần Minh D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị trấn A Nh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

*\* Về trách nhiệm hình sự:*

- Áp dụng điểm Khoản 1 Điều 173, điểm s, khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thanh T từ 06 đến 09 tháng tù.

- Áp dụng điểm Khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh D 05 tháng 05 ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù bằng thời gian tạm giam, nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả tự do ngay cho bị cáo Trần Minh D tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

\* *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên buộc bị cáo D phải bồi hoàn cho Nguyễn Minh Kh số tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo Toàn phải bồi hoàn số tiền 2.250.000 đồng cho bị cáo D.

\* *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy: Biển kiểm soát giả 82E1-162.38.

Đề nghị tuyên trả lại cho ông Trần Minh S: Xe mô tô loại Wave, màu xanh-đen, không rõ số khung, số máy: CT100E1200832, gắn biển kiểm soát 77F8-3829.

Tiếp tục giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A Nh tạm giữ: Biển kiểm soát 77F1-508.48; Xe mô tô loại Taurus, màu đen, số khung 16S109Y22002, số máy: 16S1021987, gắn biển kiểm soát 77F1-187.39; Xe mô tô loại Dame, màu đen, số khung: 022431, số máy: FMG301022431, gắn biển kiểm soát 81N1-4613 để làm rõ xử lý theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng, tỏ ra ăn hăn hối cải về hành vi phạm tội. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A Nh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A Nh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định đó. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thanh T, Trần Minh D khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 30/4/2021, bị cáo Trần Minh D điều khiển xe mô tô 77F8-3829 của cha ruột của bị cáo chở bị cáo Phạm Thanh T từ nhà ở phường Nh H, thị xã A Nh đến nhà bạn ở khu vực L T, phường Nh Th, thị xã A Nh chơi. Khi đi ngang qua nhà của bà Thái Thị Ch phát hiện xe mô tô 77F1-644.14 dựng bên lề đường, dưới gốc cây sanh, gắn sẵn chìa khóa xe, không người trông coi, nên Toàn rủ D trộm cắp. D chở Toàn đến gần vị trí xe 77F1-644.14 để Toàn xuống xe, còn D điều khiển xe bỏ đi. T đến dắt xe 77F1-

644.14 điều khiển về nhà D. Sau đó, Toàn điều khiển xe 77F1-644.14 chở D đến nhà Nguyễn Minh Kh cầm cố 4.000.000 đồng, rồi thuê taxi đến thành phố Q Nh tiêu xài hết. Lời khai nhận của các bị cáo Phạm Thanh T, Trần Minh D phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tài sản mà các bị cáo Phạm Thanh T, Trần Minh D chiếm đoạt theo kết quả định giá ngày 28/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A Nh trị giá 13.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Phạm Thanh T, Trần Minh D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Các bị cáo Phạm Thanh T, Trần Minh D nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo Phạm Thanh T là người khởi xướng rủ rê và là người thực hành; còn Trần Minh D là người giúp sức. Tuy nhiên, giữa bị cáo T và D không có sự thoả thuận phân công nhiệm vụ thể đồng thời không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tích chất, hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

[4.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thanh T, Trần Minh D thân khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4.2] Bị cáo Trần Minh D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Toàn đã tích cực tác động gia đình bồi hoàn cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời các bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có con nhỏ, phạm tội lần đầu và phải nuôi cha mẹ già, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4.3] Bị cáo Phạm Thanh T cùng với Trần Minh D có hành vi chiếm đoạt xe mô tô của bà Thái Thị Ch vào ngày 30/4/2021. Ngoài ra, vào ngày 19/9/2021 bị cáo Phạm Thanh T còn có hành vi trộm cắp xe mô tô 77E1-440.37 của anh Nguyễn Công Th trị giá 10.000.000 đồng. Do đó, bị cáo Phạm Thanh T phải chịu tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Việc trách nhiệm dân sự:

[5.1] Các bị hại Thái Thị Ch, Nguyễn Công Th đã nhận lại tài sản, có đơn bãi nại và không có yêu cầu gì thêm nên không xét. Gia đình bị cáo Phạm Thanh T đã bồi hoàn số tiền 2.500.000 đồng cho Nguyễn Tiến L. Anh L không có yêu cầu gì khác nên miễn xét.

[5.2] Bà Nguyễn Thị S là mẹ của bị cáo Phạm Thanh T đã bồi hoàn 2.500.000 đồng cho anh Nguyễn Tiến L thay cho bị cáo T và tại phiên toà, bà S không yêu cầu bị cáo Toàn hoàn lại nên ghi nhận.

[5.3] Bị cáo Phạm Thanh T, Trần Minh D thế chấp xe 77F1-644.14 cho anh Nguyễn Minh Kh 4.000.000 đồng. Khoảng tháng 5/2021, bị cáo Trần Minh D chuộc lại xe với số tiền 4.500.000 đồng. Sau đó, bị cáo Trần Minh D tiếp tục mang xe mô tô này cầm cố cho anh Kh lấy 4.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Do đó, buộc bị cáo Phạm Thanh T phải hoàn trả cho bị cáo Trần Minh D 2.250.000 đồng. Đồng thời, buộc bị cáo Trần Minh D phải bồi hoàn cho anh Nguyễn Minh Kh 4.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với 01 xe mô tô loại Wave RSX, màu sơn: Đỏ - đen, số khung: 3847LY021119, số máy: JA52E0122787; 01 xe mô tô loại Sirius, màu sơn: Đỏ-đen, số khung: 3240HY050147, số máy: E3X9E125995; 01 Biển kiểm soát 77F1-644.14; 01 xe mô tô loại Vision, màu xanh, số khung: 5838LZ429028, số máy: 6E5139479, gắn biển kiểm soát 77F1-632.57 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A Nh trả lại cho chủ sở hữu, nên không xét.

[6.2] Đối với: Biển kiểm soát giả 82E1-162.38, đây là công cụ phạm tội, vật phạm pháp nên tịch thu, tiêu hủy.

[6.3] Đối với xe mô tô loại Wave, màu xanh-đen, không rõ số khung, số máy: CT100E1200832, gắn biển kiểm soát 77F8-3829, là tài sản hợp pháp của ông Trần Minh S mà bị cáo Trần Minh D dùng làm phương tiện phạm tội nhưng ông S không có lỗi nên tuyên trả lại cho ông Sơn là phù hợp.

[6.4] Biển kiểm soát 77F1-508.48; xe mô tô loại Taurus, màu đen, số khung 16S109Y22002, số máy: 16S1021987, gắn biển kiểm soát 77F1-187.39; xe mô tô loại Dame, màu đen, số khung: 022431, số máy: FMG301022431, gắn biển kiểm soát 81N1-4613, số tài liệu, đồ vật này không liên quan đến vụ trộm cắp tài sản của các bị

cáo mà do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh Kh giao nộp trong quá trình điều tra, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ. Do đó, giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A Nh xác minh làm rõ xử lý theo thẩm quyền.

[7] Nguyễn Minh Kh là người đã nhận cầm cố xe mô tô 77F1-644.14 và Nguyễn Tiến Lập là người đã nhận cầm cố xe mô tô Sirius gắn biển kiểm soát giả 82E1-162.38. Tuy nhiên, khi nhận cầm cố cả Nguyễn Minh Kh và Nguyễn Tiến L không biết được đó là tài sản do bị cáo Phạm Thanh T, Trần Minh D phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A Nh không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của Nguyễn Minh Kh, Nguyễn Tiến L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp.

[8] Bị cáo Phạm Thanh T nhờ Nguyễn Thái B, Huỳnh Trí C đặt làm giả biển kiểm soát 82E1-162.38 với giá 200.000 đồng. Tuy nhiên, hành vi làm giả biển số xe không cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A Nh không xem xét xử lý hình sự đối với Phạm Thanh T, Nguyễn Thái B, Huỳnh Trí C là đúng quy định.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc các bị Phạm Thanh T, Trần Minh D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Bị cáo Trần Minh D, Phạm Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Phạm Thanh T, Trần Minh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Về hình phạt:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm s, khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 06 (sáu) tháng tù, được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 24/9/2021 đến ngày 12/01/2022. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi án.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh D 05 (năm) tháng 05 (năm) ngày tù, thời gian chấp



hành hình phạt tù bằng thời gian bị tạm giam từ ngày 24/9/2021 đến ngày 01/3/2022, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

*\* Về xử lý vật chứng:*

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tuyên tịch thu, tiêu hủy: 01 Biên kiểm soát giả 82E1-162.38.

- Tuyên trả lại cho ông Trần Minh S (sinh năm 1968; trú tại: Khu vực Ch Th, phường Nh H, thị xã A Nh, tỉnh B Đ) 01 xe mô tô loại Wave, màu xanh-đen, không rõ số khung, số máy: CT100E1200832, gắn biên kiểm soát 77F8-3829.

Số vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A Nh, tỉnh Bình Định theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 21/02/2022.

- Đối với Biên kiểm soát 77F1-508.48; xe mô tô loại Taurus, màu đen, số khung 16S109Y22002, số máy: 16S1021987, gắn biên kiểm soát 77F1-187.39; xe mô tô loại Dame, màu đen, số khung: 022431, số máy: FMG301022431, gắn biên kiểm soát 81N1-4613, giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A Nh xác minh làm rõ xử lý theo thẩm quyền.

*\* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự,*

- Buộc bị cáo Phạm Thanh T phải hoàn trả cho bị cáo Trần Minh D 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Trần Minh D phải bồi hoàn cho anh Nguyễn Minh Kh 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

*\* Về án phí hình sự sơ thẩm:* Buộc mỗi bị cáo Phạm Thanh T, Trần Minh D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

*\* Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc mỗi bị cáo Phạm Thanh T, Trần Minh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

\* *Quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Sở Tư pháp tỉnh B Đ;
- TAND tỉnh B Đ;
- VKSND tỉnh B Đ;
- VKSND TX. A Nh;
- Chi cục THADS thị xã A Nh;
- Công an TX. A Nh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Văn H**